

# Sử dụng kỹ thuật dạy học KWL vào dạy học đọc hiểu văn bản cho học sinh lớp 4 theo hướng phát triển năng lực

**Đặng Thị Lệ Tâm\*, Bạc Thùy Linh\*\***

\*TS. Trường ĐH Sư phạm- ĐH Thái Nguyên

\*\*GV. Trường Tiểu học Lê Ngọc Hân – Thành phố Lào Cai

Received: 15/3/2024; Accepted: 19/03/2024; Published: 30/3/2024

**Abstract:** Reading comprehension is a skill that represents the goal of reading activities. Learning is a skill related to thinking and perception. Whether or not reading text is interesting to students depends on the organization of reading comprehension activities. KWL is an active teaching technique that has many advantages in teaching Vietnamese in general and teaching reading comprehension in grade 4 in particular. During the process of researching and understanding the KWL technique, we found that this technique is very suitable for teaching reading comprehension in elementary schools. However, the effective use of these techniques depends on the lesson content, students' level and the teacher's creativity.

**Keywords:** Reading comprehension, Vietnamese, elementary school, engineering, KWL

## 1. Đặt vấn đề

Đọc hiểu (ĐH) là kỹ năng thể hiện mục tiêu của hoạt động đọc. ĐH là kỹ năng liên quan nhiều đến tư duy, nhận thức. Việc đọc văn bản có hứng thú với học sinh (HS) hay không chính là nhờ vào việc tổ chức hoạt động ĐH. KWL là một kỹ thuật (KT) dạy học tích cực có nhiều lợi thế, ưu điểm trong dạy học tiếng Việt nói chung, dạy đọc hiểu văn bản (ĐHVB) ở lớp 4 nói riêng. Trong quá trình nghiên cứu tìm hiểu KT KWL, chúng tôi nhận thấy KT này rất phù hợp với dạy học ĐHV B ở tiểu học. Tuy nhiên, việc sử dụng hiệu quả các KT này phụ thuộc vào nội dung bài học, trình độ HS và khả năng sáng tạo của giáo viên (GV).

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Đọc hiểu văn bản

ĐHV B và năng lực đọc hiểu là một trong những chủ đề được quan tâm và thảo luận sôi nổi trong ngành giáo dục ở nhiều quốc gia trong hơn 10 năm qua. Nhu cầu đổi mới giáo dục để đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội ngày càng phát triển đã thúc đẩy các quốc gia xem xét lại mục tiêu và phương pháp giảng dạy, trong đó chú trọng đến việc phát triển năng lực (PTNL) của người học.

Khác với đọc thành tiếng hay dùng phương pháp rèn luyện theo mẫu, ĐH cần tập trung dùng các phương pháp và KT kích thích hoạt động tư duy, hoạt động tích cực nhận thức của HS. Những câu hỏi gợi mở để HS khám phá nội dung và hình thức của văn bản, những yêu cầu trao đổi để thảo luận hoặc tranh luận về một vấn đề nảy sinh từ văn bản, những tình huống GV nêu ra để HS sử dụng kiến thức từ

văn bản để giải quyết tình huống là những phương pháp và KT dạy học phù hợp nhiều hơn với dạy ĐH. Mức độ khó của từng hoạt động đọc cần dựa trên yêu cầu cần đạt về ĐH ở từng lớp nêu trong chương trình môn Tiếng Việt.

### 2.2. Kỹ thuật dạy học tích cực

KT dạy học là những công cụ thiết yếu giúp GV và HS thực hiện và điều khiển quá trình dạy học hiệu quả. Chúng bao gồm các biện pháp, cách thức hành động cụ thể được áp dụng trong từng tình huống để tối ưu hóa việc tiếp thu kiến thức và kỹ năng. KT dạy học tích cực đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy sự tham gia chủ động của HS. Nhờ áp dụng các KT này, HS được khuyến khích tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng hợp tác và phát triển toàn diện năng lực cá nhân.

Phần lớn các phương pháp dạy học truyền thống và hiện hành đều được kế thừa trong dạy đọc ở môn Tiếng Việt với một tinh thần và định hướng mới. Đó là vận dụng linh hoạt, kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh và điều kiện tập trung hình thành, PTNL ngôn ngữ và năng lực văn học của HS.

### 2.3. Kỹ thuật KWL

Sơ đồ KWL được xây dựng vào năm 1986, là sơ đồ liên hệ các kiến thức đã biết liên quan đến bài học, các kiến thức muốn biết và các kiến thức học được sau bài học. Mục tiêu của việc dạy học một bài học theo mô hình này là giúp HS: hiểu rõ mục tiêu học tập, tăng cường tính độc lập, tăng cường tương tác, giúp GV có thể đánh giá được kết quả của giờ học, trên cơ sở đó, GV có thể điều chỉnh cách dạy của

mình cho phù hợp với nhu cầu của HS.

Bên cạnh các phương pháp giảng dạy tích cực như hợp tác, động não, mảnh ghép, khám phá, sơ đồ tư duy... KWL là một KT nổi bật với nhiều ưu điểm. KT này khuyến khích HS chủ động bày tỏ cảm xúc, ý kiến, nhu cầu nhận thức và khám phá của bản thân về chủ đề học tập. Đồng thời, giúp GV thu thập phản hồi kịp thời để điều chỉnh và thiết kế nội dung bài học hiệu quả hơn.

#### **2.4. Sử dụng KT KWL vào dạy học đọc hiểu văn bản cho HS lớp 4**

##### **2.4.1. Khả năng sử dụng KT KWL vào dạy học ĐHVB cho HS lớp 4**

KWL là một KT dạy học tích cực có nhiều lợi thế, ưu điểm trong dạy học tiếng Việt nói chung, dạy ĐHVB ở lớp 4 nói riêng. KT KWL ngày nay có nhiều phiên bản giúp GV kiểm soát và đánh giá các kỹ năng ĐH của HS một cách đa dạng và hiệu quả. Trong quá trình nghiên cứu tìm hiểu KT KWL, chúng tôi nhận thấy KT này rất phù hợp với phần ĐHVB bởi hoạt động ĐHVB trong nhà trường là một quá trình tâm lí, nhận thức phức tạp của chủ thể HS. Đây là quá trình đòi hỏi sự huy động và phát huy tổng lực khả năng nhận thức và tư duy ngôn ngữ, sức mạnh tri thức đời sống và tri thức văn hóa, mức độ hóa thân, nhập cuộc, đoán định, suy tư của người học, để có thể “đọc ra” nội dung sự kiện, nội dung hình tượng, nội dung quan niệm và các tầng ý nghĩa trong văn bản tác phẩm. Trong khi đó, mức độ tập trung tư duy và duy trì hứng thú trong quá trình đọc hiểu văn chương của đối tượng bạn đọc trong nhà trường không cao do động cơ và hứng thú, sở thích và khả năng tiếp nhận văn bản.

##### **2.4.2. Quy trình sử dụng KT KWL vào dạy học ĐHVB cho HS lớp 4 (ngữ liệu SGK Tiếng Việt 4-bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)**

- **Bước 1:** hướng dẫn HS tạo bảng KWL theo mục tiêu cần đạt. Cho HS động não, liệt kê những điều đã biết về tác giả, văn bản/chủ đề vào cột K.

Trước khi đọc, hãy dành 5 phút để điền vào cột K tất cả những ý tưởng, thông tin, từ khóa liên quan tới nội dung, chủ đề của văn bản. Ví dụ, nếu đọc bài *Chuyến du lịch thú vị* [5,124], các em hãy nhớ lại tất cả những chuyến tham quan, du lịch, trải nghiệm đã có của mình cùng gia đình hoặc thầy cô, bạn bè; sau đó viết vào cột thứ nhất (cột K) các thông tin như: chuyến tham quan, du lịch đó được tổ chức vào dịp nào? Nêu cảm nhận của em khi được đến nơi đó...

Việc kích hoạt tri thức nền trước khi đọc giúp HS tiếp thu thông tin mới một cách hiệu quả hơn, bởi vì mỗi thông tin mới trong văn bản, HS sẽ đọc, sẽ

tự liên kết với những thông tin đã biết, não bộ sẽ tự động sắp xếp chúng vào một hệ thống, nhờ thế mà HS có thể ghi nhớ chúng tốt hơn. Mặt khác, việc liệt kê ra những từ khóa liên quan đến nội dung, chủ đề cũng là cách để chuẩn bị về ngôn ngữ trước khi đọc.

- **Bước 2:** cho HS động não và nêu câu hỏi, những điều muốn biết về về tác giả, văn bản/chủ đề vào cột W.

Trước khi đọc, hãy dành 5 phút để điền vào cột W tất cả những điều mà HS muốn biết, những băn khoăn, thắc mắc của HS về nội dung, chủ đề của cuốn sách. Hãy sử dụng các câu hỏi như WHAT (cái gì), WHO (ai), WHEN (khi nào), WHERE (ở đâu), WHY (tại sao), HOW (như thế nào) để đặt ra các câu hỏi, càng nhiều càng tốt. Việc để trẻ tự đặt ra các câu hỏi cực kì quan trọng, nó mở rộng khả năng sáng tạo, kích thích tư duy đột phá, không giới hạn, đồng thời kích hoạt trí tò mò của trẻ.

- **Bước 3:** cho HS đọc, giải thích, phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản và hệ thống hóa kiến thức cơ bản vào cột L.

Sau khi đọc xong, hãy dành 5 phút ghi lại một cách vắn tắt những điều HS đã học được vào cột thứ 3, cột L (điều đã học). HS có thể ghi lại những thông tin mà mình cảm thấy ấn tượng nhất, hấp dẫn nhất, nhớ nhất. Mỗi đứa trẻ sẽ học được những điều khác nhau, vì vậy hãy tôn trọng tối đa kết quả học tập đó của HS.

- **Bước 4:** Cùng HS xem lại sơ đồ KWL mà các em đã tạo ra về văn bản sau khi ĐH. GV hãy giúp HS tự so sánh 3 cột và rút ra nhận xét: hiểu biết của các em trước khi đọc và sau khi đọc có thay đổi hay không? Thay đổi như thế nào? Những điều các em muốn biết liệu có được giải đáp trong nội dung văn bản vừa đọc hay không? Nếu không các em có thể tìm đọc thêm những cuốn sách khác để giải đáp băn khoăn của mình. Hãy gạch chân vào những câu hỏi mà các em đã tìm thấy câu trả lời trong bài đọc và dùng bút màu tô vào những câu hỏi vẫn chưa được trả lời. Bằng cách này, GV có thể cho HS nhận ra được một cách trực quan sự thay đổi của mình trước và sau khi đọc, từ đó HS dễ dàng nhận ra lợi ích của việc đọc, cũng như biến việc đọc trở thành một quá trình không ngừng tự học hỏi, tự khám phá tri thức.

##### **2.4.3. Một số ví dụ minh họa**

###### **\*Ví dụ 1: Bài Bông tan [5, 120]**

K: Trước khi cho HS đọc kĩ văn bản thông tin trên, GV yêu cầu HS đọc nhan đề bài “Bông tan”, xem một số hình ảnh và video về hiện tượng này (HS chuẩn bị hình ảnh bông tan từ ở nhà, GV chuẩn bị thêm video) và cho HS suy nghĩ về những gì em đã biết (về hiện tượng trên, về nguyên nhân tự nhiên

và nhân tạo, những hậu quả của việc băng tan và suy nghĩ về những giải pháp để hạn chế băng tan...) và ghi vào cột thứ nhất (K) để trả lời câu hỏi: “Tôi đã biết gì về vấn đề này?”. Bước này có tác dụng giúp HS động não, sử dụng kiến thức đã có để chuẩn bị bước vào khám phá văn bản. GV hướng dẫn HS điền thông tin vào từng cột trong phiếu. Với hoạt động này, nếu HS làm việc theo nhóm, cần trao đổi thống nhất về những điều đã biết trước khi điền vào cột K; có thể đưa ra các câu hỏi gợi ý (nếu cần) để HS điền vào cột. Cần quan tâm nhiều đến cột K như một biện pháp khơi gợi kiến thức nền. Làm tốt cột K, GV sẽ biết HS hiểu văn bản ở mức độ nào để từ đó tổ chức giờ dạy đọc văn bản hiệu quả hơn.

W: Bước tiếp theo, HS sẽ tiến hành đặt ra những câu hỏi mà bản thân muốn biết trước khi đọc văn bản. Hoạt động này giúp các em tiếp tục suy nghĩ, khơi gợi sự tò mò và hứng thú với nội dung bài học, đồng thời định hướng việc tiếp cận văn bản một cách có trọng tâm. Cột W trong bảng sẽ thể hiện những điều HS muốn biết về văn bản. Đây là những câu hỏi do chính HS đặt ra để tự mình giải đáp hoặc yêu cầu GV hỗ trợ.

Sau khi từng HS đã hoàn thành đủ 2 cột K và W, GV hướng dẫn cho các em mang sản phẩm cá nhân đã tự điền được ở hai cột trao đổi, thảo luận trong nhóm và trước lớp. Tiếp đó, GV thu phiếu lại, dựa trên kết quả thảo luận, GV hướng dẫn HS ĐHVB.

Phiếu học tập KWL (Bài “Băng tan”)

K (Tôi đã biết gì về vấn đề này)	W (Tôi muốn học/ muốn biết thêm những gì về vấn đề này)	L (Tôi đã học được gì về vấn đề này)
<p>- <i>Băng tan</i>: Hiện tượng băng tan chảy do trái đất nóng lên.</p> <p>- <i>Nguyên nhân</i>: Trái đất nóng lên do nhiều yếu tố, chủ yếu là do hoạt động của con người (phát thải khí nhà kính).</p> <p>- <i>Hậu quả</i>:                      + Môi trường sống của nhiều loài động vật bị thay đổi, khiến chúng có nguy cơ tuyệt chủng.                      + Mực nước biển dâng cao.                      + Nước ngọt khan hiếm.                      + Các đảo và quần đảo có thể bị nhấn chìm; con người mất đất, mất nhà.</p> <p>- <i>Giải pháp</i>: Con người cần chung tay bảo vệ môi trường</p>	<p><i>Câu 1</i>. Hiện tượng băng tan xảy ra ở đâu?</p> <p><i>Câu 2</i>. Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng băng tan?</p> <p><i>Câu 3</i>. Những hậu quả do băng tan gây ra là gì?</p> <p><i>Câu 4</i>. Bài văn khuyên con người cần làm gì để tránh được hiện tượng băng tan?</p> <p><i>Câu 5</i>. Chỉ ra một số việc cần làm để hạn chế hiện tượng băng tan?</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

L: Cột L là nơi HS ghi chép những thông tin thu thập được sau khi đọc văn bản thông tin. Bước này giúp HS nhận thức được kiến thức đã hiểu và chưa hiểu, từ đó so sánh những kiến thức thu nhận được sau khi đọc với những liên tưởng, suy đoán ban đầu. Ngoài ra, GV cũng có thể yêu cầu HS ghi chép những câu hỏi cần tìm hiểu thêm để hướng dẫn HS tiếp cận văn bản thông tin một cách toàn diện và sâu sắc hơn.

HS tiếp tục thảo luận theo nhóm dưới sự hướng dẫn của GV. Cuối buổi học, GV phát lại phiếu KWL và hướng dẫn HS điền vào cột L. Bước này giúp HS nhận thức được kiến thức đã học và chưa học, đồng thời hướng dẫn HS tiếp cận văn bản thông tin một cách toàn diện và sâu sắc nhất.

L (Tôi đã học được gì về vấn đề này)
<p><i>Câu 1</i>: Hiện tượng băng tan xảy ra ở hai cực (Nam Cực và Bắc Cực)</p> <p><i>Câu 2</i>: Hiện tượng băng tan xảy ra (tan chảy) do trái đất nóng lên.</p> <p><i>Câu 3</i>: Những hậu quả do băng tan gây ra đối với:                      - Cuộc sống của con người: mực nước biển dâng cao và làm thay đổi bản đồ thế giới. Khi biển xâm nhập sâu vào đất liền, các vùng đất ven biển nhiễm mặn ngày càng nhiều, nước ngọt sẽ ít hơn. Các đảo và quần đảo có thể bị nhấn chìm. Con người có thể mất đất, mất nhà.                      - Môi trường sống của động vật: Làm thay đổi môi trường sống của nhiều loài động vật khiến chúng có nguy cơ tuyệt chủng.</p> <p><i>Câu 4</i>: Bài đọc giúp em có thêm những hiểu biết về nguyên nhân băng tan, hậu quả khôn lường của hiện tượng băng tan đối với cuộc sống con người và môi trường sống của các loài động vật.</p> <p><i>Câu 5</i>: Những việc cần làm để hạn chế hiện tượng băng tan là không chặt phá rừng; trồng thêm nhiều cây xanh; không thải các khí độc hại, rác ra ngoài môi trường, đặc biệt sông, suối, hồ, biển,... Không xả rác bừa bãi, phân loại rác và xử lý đúng chỗ; tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường</p>

**\*Ví dụ 2: Bài Bết -tô-ven và bản Xô – nát Ánh trăng [4, 101]**

**Phiếu học tập KWL (Bài “Bết -tô-ven và bản Xô – nát Ánh trăng”)**

K (Tôi đã biết gì về vấn đề này)	W (Tôi muốn học/muốn biết thêm những gì về vấn đề này)	L (Tôi đã học được gì về vấn đề này)
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bết-tô-ven là nhà soạn nhạc cổ điển vĩ đại.</li> <li>• Ông sáng tác nhiều bản nhạc nổi tiếng.</li> <li>• Ánh trăng là nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm nghệ thuật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bối cảnh sáng tác bản xô-nát Ánh trăng.</li> <li>• Câu chuyện về cô gái mù và ước mơ của em.</li> <li>• Ý nghĩa của bản nhạc Ánh trăng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bết-tô-ven sáng tác bản xô-nát Ánh trăng sau khi gặp gỡ một cô gái mù và cha của cô.</li> <li>• Bản nhạc thể hiện sự đồng cảm với ước mơ được ngắm nhìn ánh trăng của cô gái.</li> <li>• Âm nhạc giúp con người vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.</li> </ul>

(Xem tiếp trang 115)